TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA** Số **55** /2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Nông Cống, ngày 02 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Ông Thiệu Khắc Yên

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212, 213, và Điều 246 của Bộ luật TTDS năm 2015.

Căn cứ vào điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số số 39/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thiệu Thị Tr, sinh năm 1997

Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thôn M S, xã M Ng, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về Hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thiệu Thị Tr và anh Đỗ Văn H.

- Về con chung: Chị Tr và anh H chưa có con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Tr chịu toàn bộ tiền án phí DSST là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, theo biên lai thu số AA/2015/0006590 ngày 12/3/2018. Chấp nhận chị Tr đã nộp đủ tiền án phí DSST.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Nông Cống;
- THADS huyện Nông Cống
-UBND xã T L
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã Ký)

Phạm Hữu Thắng

Ai Em Mi

NGÔ BẢO CHÂU - 3000 TỪ TIẾNG ANH BẰNG THƠ LỤC BÁT

Hello có nghĩa xin chào
Goodbye tạm biệt, thì thào Wishper
Lie nằm, Sleep ngủ, Dream mơ
Thấy cô gái đẹp See girl beautiful
I want tôi muốn, kiss hôn
Lip môi, Eyes mắt ... sướng rồi ... oh yeah!
Long dài, short ngắn, tall cao
Here đây, there đó, which nào, where đâu
Sentence có nghĩa là câu
Lesson bài học, rainbow cầu vồng
Husband là đức ông chồng
Daddy cha bố, please don"t xin đừng
Darling tiếng gọi em cưng
Merry vui thích, cái sừng là horn
Rách rồi xài đỡ chữ torn
To sing là hát, a song một bài
Nói sai sự thật to lie
Go đi, come đến, một vài là some
Đứng stand, look ngó, lie nằm
Five năm, four bốn, hold cầm, play chơi
One life là một cuộc đời
Happy sung sướng, laugh cười, cry kêu
Lover tạm dịch ngừơi yêu
Charming duyên dáng, mỹ miều graceful
Mặt trăng là chữ the moon
World là thế giới, sớm soon, lake hồ
Dao knife, spoon muỗng, cuốc hoe
Đêm night, dark tối, khổng lồ giant
Fund vui, die chết, near gần
Sorry xin lỗi, dull đần, wise khôn
Burry có nghĩa là chôn
Our souls tạm dịch linh hồn chúng ta
Xe hơi du lịch là car
Sir ngài, Lord đức, thưa bà Madam
Thousand là đúng...mười trăm
Ngày day, tuần week, year năm, hour giờ
Wait there đứng đó đợi chờ
Nightmare ác mộng, dream mơ, pray cầu
Trừ ra except, deep sâu
Daughter con gái, bridge cầu, pond ao
Enter tạm dịch đi vào
Thêm for tham dự lẽ nào lại sai
Shoulder cứ dịch là vai
Writer văn sĩ, cái đài radio

A bowl là một cái tô
Chữ tear nước mắt, tomb mồ, miss cô
Máy khâu dùng tạm chữ sew
Kẻ thù dịch đại là foe chẳng lầm
Shelter tạm dịch là hầm
Chữ shout là hét, nói thầm whisper
What time là hỏi mấy giờ
Clear trong, clean sạch, mờ mờ là dim
Gặp ông ta dịch see him
Swim bơi, wade lội, drown chìm chết trôi
Mountain là núi, hill đồi
Valley thung lũng, cây sồi oak tree
Tiền xin đóng học school fee
Yêu tôi dùng chữ love me chẳng lầm
To steal tạm dịch cầm nhầm
Tẩy chay boycott, gia cầm poultry
Cattle gia súc, ong bee
Something to eat chút gì để ăn
Lip môi, tongue lưỡi, teeth răng
Exam thi cử, cái bằng licence...
Lovely có nghĩa dễ thương
Pretty xinh đẹp thường thường so so
Lotto là chơi lô tô
Nấu ăn là cook , wash clothes giặt đồ
Push thì có nghĩa đẩy, xô
Marriage đám cưới, single độc thân
Foot thì có nghĩa bàn chân
Far là xa cách còn gần là near
Spoon có nghĩa cái thìa
Toán trừ subtract, toán chia divide
Dream thì có nghĩa giấc mơ
Month thì là tháng , thời giờ là time
Job thì có nghĩa việc làm
Lady phái nữ, phái nam gentleman
Close friend có nghĩa bạn thân
Leaf là chiếc lá, còn sun mặt trời
Fall down có nghĩa là rơi
Welcome chào đón, mời là invite
Short là ngắn, long là dài
Mũ thì là hat, chiếc hài là shoe
Autumn có nghĩa mùa thu
Summer mùa hạ , cái tù là jail
Duck là vịt , pig là heo
Rich là giàu có , còn nghèo là poor
Crab thi` có nghĩa con cua

Church nhà thờ đó , còn chùa temple
Aunt có nghĩa dì , cô
Chair là cái ghế, cái hồ là pool
Late là muộn , sớm là soon
Hospital bệnh viện , school là trường
Dew thì có nghĩa là sương
Happy vui vẻ, chán chường weary
Exam có nghĩa kỳ thi
Nervous nhút nhát, mommy mẹ hiền.
Region có nghĩa là miền,
Interupted gián đoạn còn liền next to.
Coins dùng chỉ những đồng xu,
Còn đồng tiền giấy paper money.
Here chỉ dùng để chỉ tại đây,
A moment một lát còn ngay ringht now,
Brothers-in-law đồng hao.
Farm-work đòng áng, đồng bào Fellow- countryman
Narrow- minded chỉ sự nhỏ nhen,
Open-hended hào phóng còn hèn là mean.
Vẫn còn dùng chữ still,
Kỹ năng là chữ skill khó gì!
Gold là vàng, graphite than chì.
Munia tên gọi chim ri
Kestrel chim cắt có gì khó đâu.
Migrant kite là chú diều hâu
Warbler chim chích, hải âu petrel
Stupid có nghĩa là khờ,
Đảo lên đảo xuống, stir nhiều nhiều.
How many có nghĩa bao nhiêu.
Too much nhiều quá , a few một vài
Right là đúng , wrong là sai
Chess là cờ tướng , đánh bài playing card
Flower có nghĩa là hoa
Hair là mái tóc, da là skin
Buổi sáng thì là morning
King là vua chúa, còn Queen nữ hoàng
Wander có nghĩa lang thang
Màu đỏ là red, màu vàng yellow
Yes là đúng, không là no
Fast là nhanh chóng, slow chậm rì
Sleep là ngủ, go là đi
Weakly ốm yếu healthy mạnh lành
White là trắng, green là xanh
Hard là chăm chỉ , học hành study
Ngọt là sweet, kẹo candy

Butterfly là bướm, bee là con ong
River có nghĩa dòng sông
Wait for có nghĩa ngóng trông đợi chờ
Dirty có nghĩa là dơ
Bánh mì bread, còn bơ butter
Bác sĩ thì là doctor
Y tá là nurse, teacher giáo viên
Mad dùng chỉ những kẻ điên,
Everywhere có nghĩa mọi miền gần xa.
A song chỉ một bài ca.
Ngôi sao dùng chữ star, có liền!
Firstly có nghĩa trước tiên
Silver là bạc , còn tiền money
Biscuit thì là bánh quy
Can là có thể, please vui lòng
Winter có nghĩa mùa đông
Iron là sắt còn đồng copper
Kẻ giết người là killer
Cảnh sát police , lawyer luật sư
Emigrate là di cư
Bưu điện post office, thư từ là mail
Follow có nghĩa đi theo
Shopping mua sắm còn sale bán hàng
Space có nghĩa không gian
Hàng trăm hundred, hàng ngàn thousand
Stupid có nghĩa ngu đần
Thông minh smart, equation phương trình
Television là truyền hình
Băng ghi âm là tape, chương trình program
Hear là nghe watch là xem
Electric là điện còn lamp bóng đèn
Praise có nghĩa ngợi khen
Crowd đông đúc, lấn chen hustle
Capital là thủ đô
City thành phố , local địa phương
Country có nghĩa quê hương
Field là đồng ruộng còn vườn garden
Chốc lát là chữ moment
Fish là con cá , chicken gà tơ
Naive có nghĩa ngây thơ
Poet thi sĩ , great writer văn hào
Tall thì có nghĩa là cao
Short là thấp ngắn, còn chào hello
Uncle là bác, elders cô.
Shy mắc cỡ, coarse là thô.

Come on có nghĩa mời vô,
Go away đuổi cút, còn vồ pounce.
Poem có nghĩa là thơ,
Strong khoẻ mạnh, mệt phờ dog- tiered.
Bầu trời thường gọi sky,
Life là sự sống còn die lìa đời
Shed tears có nghĩa lệ rơi
Fully là đủ, nửa vời by halves
Ở lại dùng chữ stay,
Bỏ đi là leave còn nằm là lie.
Tomorrow có nghĩa ngày mai
Hoa sen lotus, hoa lài jasmine
Madman có nghĩa người điên
Private có nghĩa là riêng của mình
Cảm giác là chữ feeling
Camera máy ảnh hình là photo
Động vật là animal
Big là to lớn , little nhỏ nhoi
Elephant là con voi
Goby cá bống, cá mòi sardine
Mỏng mảnh thì là chữ thin
Cổ là chữ neck, còn chin cái cằm
Visit có nghĩa viếng thăm
Lie down có nghĩa là nằm nghỉ ngơi
Mouse con chuột , bat con dơi
Separate có nghĩa tách rời , chia ra
Gift thì có nghĩa món quà
Guest thì là khách chủ nhà house owner
Bệnh ung thư là cancer
Lối ra exit , enter đi vào
Up lên còn xuống là down
Beside bên cạnh , about khoảng chừng
Stop có nghĩa là ngừng
Ocean là biển , rừng là jungle
Silly là kẻ dại khờ,
Khôn ngoan smart, đù đờ luggish
Hôn là kiss, kiss thật lâu.
Cửa sổ là chữ window
Special đặc biệt normal thường thôi
Lazy... làm biếng quá rồi
Ngồi mà viết tiếp một hồi die soon
Hứng thì cứ việc go on,
Còn không stop ta còn nghỉ ngơi!
Cằm CHIN có BEARD là râu
RAZOR dao cạo, HEAD đầu, da SKIN

THOUSAND thì gọi là nghìn
BILLION là tỷ, LOOK nhìn , rồi THEN
LOVE MONEY quý đồng tiền
Đầu tư INVEST, có quyền RIGHTFUL
WINDY RAIN STORM bão bùng
MID NIGHT bán dạ, anh hùng HERO
COME ON xin cứ nhào vô
NO FEAR hổng sợ, các cô LADIES
Con cò STORKE, FLY bay
Mây CLOUD, AT ở, BLUE SKY xanh trời
OH! MY GOD...! Ối! Trời ơi
MIND YOU. Lưu ý WORD lời nói say
HERE AND THERE, đó cùng đây
TRAVEL du lịch, FULL đầy, SMART khôn
Cô đõn ta dịch ALONE
Anh văn ENGLISH , nổi buồn SORROW
Muốn yêu là WANT TO LOVE
OLDMAN ông lão, bắt đầu BEGIN
EAT ăn, LEARN học, LOOK nhìn
EASY TO FORGET dễ quên
BECAUSE là bỡi ... cho nên , DUMP đần
VIETNAMESE , người nước Nam
NEED TO KNOW... biết nó cần lắm thay
SINCE từ, BEFORE trước, NOW nay
Đèn LAMP, sách BOOK, đêm NIGHT, SIT ngồi
SORRY thương xót, ME tôi
PLEASE DON"T LAUGH đừng cười, làm ơn
FAR Xa, NEAR gọi là gần
WEDDING lễ cưới, DIAMOND kim cương
SO CUTE là quá dễ thương
SHOPPING mua sắm, có sương FOGGY
SKINNY ốm nhách, FAT: phì
FIGHTING: chiến đấu, quá lỳ STUBBORN
COTTON ta dịch bông gòn
A WELL là giếng, đường mòn là TRAIL
POEM có nghĩa làm thơ,
POET Thi Sĩ nên mơ mộng nhiều.
ONEWAY nghĩa nó một chiều,
THE FIELD đồng ruộng, con diều là KITE.
Của tôi có nghĩa là MINE,
TO BITE là cắn, TO FIND kiếm tìm
TO CARVE xắt mỏng, HEART tim,
DRIER máy sấy, đắm chìm TO SINK.
FEELING cảm giác, nghĩ THINK
PRINT có nghĩa là in, DARK mờ

LETTER có nghĩa lá thơ,
TO LIVE là sống, đơn sơ SIMPLE.
CLOCK là cái đồng hồ,
CROWN vương niệm, mã mồ GRAVE.
KING vua, nói nhảm TO RAVE,
BRAVE can đảm, TO PAVE lát đường.
SCHOOL nghĩa nó là trường,
LOLLY là kẹo, còn đường SUGAR.
Station trạm GARE nhà ga
FISH SAUCE nước mắm, TOMATO là cá chua
EVEN huề, WIN thắng, LOSE thua
TURTLE là một con rùa
SHARK là cá mập, CRAB cua, CLAW càng
COMPLETE là được hoàn toàn
FISHING câu cá, DRILL khoan, PUNCTURE dùi
LEPER là một người cùi
CLINIC phòng mạch, sần sùi LUMPY
IN DANGER bị lâm nguy
Giải phẫu nhỏ là SUGERY đúng rồi
NO MORE ta dịch là thôi
AGAIN làm nữa, bồi hồi FRETTY
Phô mai ta dịch là CHEESE
CAKE là bánh ngọt, còn mì NOODLE
ORANGE cam, táo APPLE
JACK-FRUIT trái mít, VEGETABLE là rau
CUSTARD-APPLE mãng cầu
PRUNE là trái táo tàu, SOUND âm
LOVELY có nghĩa dễ thương
PRETTY xinh đẹp, thường thường SO SO
LOTTO là chơi lô tô
Nấu ăn là COOK , WASH CLOTHES giặt đồ
PUSH thì có nghĩa đẩy, xô
MARRIAGE đám cưới, SINGLE độc thân
FOOT thì có nghĩa bàn chân
FAR là xa cách, còn gần là NEAR
SPOON có nghĩa cái thìa
Toán trừ SUBTRACT, toán chia DIVIDE
PLOUGH tức là đi cày
WEEK tuần MONTH tháng, WHAT TIME mấy giờ

Nguồn Giải Trí Việt